CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	Đối tượng	Lĩnh vực	Cơ quan công khai	Cấp thực hiện	Tình trạng	Mã QR
1	1.014832.H36	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	538/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
2	1.014801.H36	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	601/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã; Tổ chức Đảng; Đảng viên	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
3	1.014680.H36	Thủ tục tặng, truy tặng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang"	297/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
4	1.014632.H36	Đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội, vay vốn để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	211/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Đảng viên	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
5	2.002821.H36	Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên	88/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
6	1.014535.H36	Quyết định miễn, giảm tiền thuê nhà cho tổ chức, cá nhân thuê nhà	2728/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

7	3.000527.H36	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	2104/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Tổ chức cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện (Bộ Công an)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
8	1.014371.H36	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Quỹ hợp tác xã) địa phương hoạt động theo mô hình hợp tác xã	1918/QĐ-UBND	Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
9	1.014359.H36	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	1691/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
10	1.014352.H36	Thủ tục tuyển chọn chuyên gia	1459/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Lao động (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	
11	1.014337.H36	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	1433/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	
12	1.014335.H36	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	1433/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	
13	1.014336.H36	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	1433/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	

14	1.014275.H36	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	1254/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
15	1.014284.H36	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	1254/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
16	1.014310.H36	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	1230/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
17	1.014312.H36	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	1230/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
18	1.014258.H36	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp Xã)	654/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
19	1.014259.H36	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp Xã)	654/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
20	1.014157.H36	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1245/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	

21	1.014155.H36	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1245/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	
22	1.014158.H36	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1245/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	
23	1.014156.H36	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1245/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	
24	1.014159.H36	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	1245/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
25	1.014193.H36	Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	818/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Bảo hiểm y tế (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	
26	1.014150.H36	Xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	708/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
27	1.014149.H36	Xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	708/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	

28	3.000510.H36	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị chết	667/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
29	3.000509.H36	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, bị thương	667/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
30	3.000502.H36	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	560/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
31	1.004844.H36	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	211/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
32	1.014034.H36	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	569/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
33	1.014035.H36	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	569/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
34	1.014113.H36	Xét tuyển công chức	411/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	

35	1.014116.H36	Tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	411/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
36	1.014111.H36	Thi tuyển công chức	411/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
37	1.014028.H36	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	377/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
38	1.014027.H36	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	377/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
39	1.013749.H36	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	1376/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
40	1.013855.H36	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	2655/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
41	1.005040.H36	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	

42	3.000439.H36	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	1427/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
43	3.000443.H36	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	1427/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
44	1.002372.H36	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
45	3.000441.H36	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	1427/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
46	3.000440.H36	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	1427/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
47	1.004478.H36	Công bố mở cảng cá loại III	229/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
48	3.000442.H36	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	1427/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

49	1.013979.H36	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	1427/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
50	1.013967.H36	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	1427/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
51	1.013965.H36	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	1254/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
52	1.013978.H36	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	1254/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
53	1.013953.H36	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	1254/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
54	1.013950.H36	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	1254/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
55	1.013952.H36	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	1254/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

56	1.013797.H36	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT XÃ	1438/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
57	1.013796.H36	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT XÃ	1438/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
58	1.013798.H36	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC TRONG MỘT XÃ	1438/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
59	1.013962.H36	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm	1254/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
60	1.013949.H36	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất	1254/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
61	1.000080.H36	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
62	1.000110.H36	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

63	1.000094.H36	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
64	1.004827.H36	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	316/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
65	2.002349.H36	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	401/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
66	1.009465.H36	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
67	3.000468.H36	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	1400/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	
68	3.000467.H36	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	1400/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	
69	1.013743.H36	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ, sỹ quan thuộc lực lượng vũ trang (công an, quân đội)	1376/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	

70	1.013750.H36	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	1376/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
71	1.010788.H36	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	1376/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
72	1.013706.H36	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	1376/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
73	1.013703.H36	Thành lập hội	1376/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
74	1.013717.H36	Quỹ tự giải thể	1376/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
75	1.013710.H36	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	1376/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
76	1.013716.H36	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	1376/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

77	1.013708.H36	Hội tự giải thể	1376/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
78	1.013712.H36	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	1376/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
79	1.013713.H36	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	1376/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
80	1.013702.H36	Công nhận ban vận động thành lập hội	1376/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
81	1.013715.H36	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	1376/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
82	1.013709.H36	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	1376/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
83	1.013707.H36	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	1376/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

84	1.013714.H36	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1376/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
85	1.013711.H36	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1376/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
86	1.013704.H36	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	1376/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
87	1.013734.H36	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết .	1376/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
88	1.013795.H36	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	1375/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
89	1.013793.H36	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	1375/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
90	1.013794.H36	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	1375/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

91	1.013792.H36	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2533/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
92	1.013791.H36	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	1375/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
93	2.002771.H36	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	1001/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	
94	2.002770.H36	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	1001/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	
95	3.000412.H36	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	864/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
96	3.000410.H36	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	1399/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
97	1.013128.H36	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển và các cơ sở, dự án trên địa bàn xã không thuộc đối tượng kinh doanh, vận chuyển xăng dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu mức độ nhỏ (dung tích chứa dưới 50 m3)	619/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Ứng phó sự cố tràn dầu (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

98	1.013142.H36	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	619/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
99	1.013181.H36	Thủ tục tiếp nhận, hoàn thiện hồ sơ, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh để nghị công nhận liệt sĩ đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	619/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
100	1.013170.H36	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần, cấp "Giấy chứng nhận" đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	619/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
101	1.013163.H36	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối	619/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
102	1.013157.H36	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có từ đủ 15 đến dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương	619/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
103	1.013160.H36	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 15 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ)	619/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
104	1.013159.H36	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 15 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (bao gồm cả đối tượng đã từ trần)	619/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	

105	1.013155.H36	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng cư trú ở địa phương khác)	619/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
106	1.013151.H36	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ)	619/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
107	1.013150.H36	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội đã được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTg (nay bổ sung đối tượng theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg)	619/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
108	1.013152.H36	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg	619/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
109	1.013173.H36	Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp "Giấy chứng nhận"đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ	619/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
110	1.013182.H36	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương để nghị công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ bị thương trong chiến tranh đã chuyển ra	619/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
111	1.013161.H36	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ, tuyển dụng sau ngày 30/4/1975, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.	619/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	

112	1.013147.H36	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với dân quân tập trung ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam (bao gồm cả lực lượng mật quốc phòng)	619/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
113	1.013149.H36	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng lập hồ sơ lần đầu)	619/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
114	1.013148.H36	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với dân quân tập trung ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam (bao gồm cả lực lượng mật quốc phòng), đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ	619/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
115	1.013146.H36	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội tham gia chiến đấu, hoạt động ở chiến trường B, C, K, sau đó trở thành người hưởng lương	619/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
116	1.013145.H36	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ)	619/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
117	1.013144.H36	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước	619/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
118	1.013143.H36	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi	619/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	

119	1.013314.H36	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	478/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
120	1.013313.H36	Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	478/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
121	1.013274.H36	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
122	3.000323.H36	Đăng ký giám sát việc giám hộ	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
123	3.000322.H36	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
124	3.000325.H36	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	261/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
125	3.000326.H36	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	1399/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	

126	3.000327.H36	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	1399/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
127	1.013061.H36	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	715/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
128	1.013234.H36	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
129	1.013239.H36	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
130	1.013227.H36	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	514/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	
131	1.013228.H36	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	514/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	
132	1.013229.H36	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ;	514/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	

133	1.013225.H36	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	514/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	
134	1.013232.H36	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	514/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	
135	1.013226.H36	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	514/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	
136	1.013040.H36	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	1399/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
137	1.012996.H36	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	1919/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
138	1.012994.H36	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	1399/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
139	1.012995.H36	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	1919/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	

140	3.000309.H36	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	1377/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
141	1.012964.H36	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1377/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
142	1.012963.H36	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	1377/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
143	1.012961.H36	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1377/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
144	3.000315.H36	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	1377/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
145	1.012969.H36	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	1377/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
146	1.012971.H36	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	1377/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

147	1.012967.H36	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1377/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
148	3.000307.H36	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	1377/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
149	1.012973.H36	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	1377/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
150	1.012968.H36	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1377/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
151	1.012962.H36	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1377/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
152	3.000308.H36	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	1377/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
153	1.012974.H36	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1377/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

154	1.012966.H36	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	1377/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
155	1.012965.H36	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	1377/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
156	1.012970.H36	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	1377/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
157	1.012972.H36	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	1377/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
158	1.012975.H36	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	1377/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
159	1.012922.H36	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	538/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
160	2.002668.H36	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1399/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

161	1.012888.H36	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	1426/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
162	1.012836.H36	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	864/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
163	1.012837.H36	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp	864/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
164	1.012817.H36	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	1427/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
165	1.012818.H36	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	1427/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
166	1.012812.H36	Hòa giải tranh chấp đất đai	1427/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
167	1.012796.H36	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	1427/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

168	1.012753.H36	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	1254/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
169	2.002649.H36	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1399/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
170	2.002648.H36	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2657/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
171	2.002642.H36	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	1399/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
172	2.002640.H36	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	1399/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
173	2.002639.H36	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	1399/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
174	2.002638.H36	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác/ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	2657/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	

175	2.002637.H36	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	1399/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
176	2.002643.H36	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2657/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
177	2.002641.H36	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	2657/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
178	2.002636.H36	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	1399/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
179	2.002635.H36	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	1399/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
180	1.012694.H36	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	538/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Đảng viên	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
181	1.012695.H36	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	935/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

182	1.012584.H36	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	727/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
183	1.012582.H36	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	727/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
184	1.012585.H36	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	1438/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
185	1.012590.H36	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	1438/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
186	1.012592.H36	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	727/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
187	1.012591.H36	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	727/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
188	1.012568.H36	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	1395/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

189	1.012569.H36	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	1395/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
190	1.012538.H36	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ	2104/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Công an)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
191	1.012537.H36	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ	2104/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Công an)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
192	1.012531.H36	Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	538/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
193	1.012500.H36	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước.	506/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
194	2.002620.H36	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	1291/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
195	1.012300.H36	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	454/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	

196	1.012301.H36	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	454/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
197	1.012299.H36	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	454/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
198	3.000250.H36	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	1427/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
199	1.012223.H36	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	1438/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
200	1.012222.H36	Công nhận người có uy tín	1438/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
201	1.012085.H36	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	46/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
202	1.012084.H36	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	46/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

203	2.001396.H36	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	1376/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	
204	2.001157.H36	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	1376/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	
205	1.012091.H36	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc	1097/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
206	1.011995	Lựa chọn, phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ của cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	2166/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
207	1.011608.H36	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	864/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
208	1.011607.H36	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	864/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
209	1.011606.H36	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	1427/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

210	1.011609.H36	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	864/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
211	1.011518.000.00.00.H36	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước .	506/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
212	1.011471.000.00.00.H36	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	373/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
213	2.002516.000.00.00.H36	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
214	1.002211.000.00.00.H36	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	1644/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
215	2.000950.000.00.00.H36	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	1644/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
216	2.000424.000.00.00.H36	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	02/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

217	2.002501.000.00.00.H36	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	1369/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Xử lý đơn thư (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
218	1.010945.000.00.00.H36	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	1369/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Tiếp công dân (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
219	1.010736.000.00.00.H36	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	704/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
220	1.010940.000.00.00.H36	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	1186/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
221	1.010938.000.00.00.H36	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	1186/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
222	1.010941.000.00.00.H36	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	1186/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
223	1.010939.000.00.00.H36	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	1186/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

224	1.010821.000.00.00.H36	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1376/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
225	1.010811.000.00.00.H36	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	1389/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
226	1.010824.000.00.00.H36	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	1376/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
227	1.010820.000.00.00.H36	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	1376/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
228	1.010819.000.00.00.H36	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	1376/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
229	1.010815.000.00.00.H36	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	764/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
230	1.010814.000.00.00.H36	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	764/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	

231	1.010825.000.00.00.H36	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	1376/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
232	1.010816.000.00.00.H36	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1376/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
233	1.010812.000.00.00.H36	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	1389/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
234	1.010810.000.00.00.H36	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	1376/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
235	1.010805.000.00.00.H36	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	1376/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
236	1.010804.000.00.00.H36	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	1376/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
237	1.010818.000.00.00.H36	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	1376/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	

238	1.010817.000.00.00.H36	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1376/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
239	1.010803.000.00.00.H36	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	1376/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
240	1.010833.000.00.00.H36	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	764/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
241	1.010830.000.00.00.H36	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1376/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
242	1.010829.000.00.00.H36	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1389/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
243	1.010802.000.00.00.H36	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	764/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
244	1.010801.000.00.00.H36	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	764/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	

245	2.002482.000.00.00.H36	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	395/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
246	2.002481.000.00.00.H36	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	1445/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
247	2.002483.000.00.00.H36	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	395/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
248	2.002403.000.00.00.H36	Thủ tục thực hiện việc giải trình	1380/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	
249	2.002396.000.00.00.H36	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	1442/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Giải quyết tố cáo (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
250	2.002402.000.00.00.H36	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	1380/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	
251	2.002400.000.00.00.H36	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	1380/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	

252	2.001088.000.00.00.H36	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	3014/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
253	1.010092.000.00.00.H36	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	692/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
254	1.010091.000.00.00.H36	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	692/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
255	2.002409.000.00.00.H36	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	1442/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Giải quyết khiếu nại (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
256	1.006390.000.00.00.H36	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	1377/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
257	1.006445.000.00.00.H36	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1377/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
258	1.005108.000.00.00.H36	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	1643/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

259	2.001904.000.00.00.H36	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	1643/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
260	1.006444.000.00.00.H36	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	1377/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
261	3.000182.000.00.00.H36	Tuyển sinh trung học cơ sở	1445/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
262	1.009455.000.00.00.H36	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
263	1.009444.000.00.00.H36	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
264	1.009453.000.00.00.H36	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
265	1.009452.000.00.00.H36	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

266	1.009454.000.00.00.H36	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
267	1.009447.000.00.00.H36	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
268	1.003005.000.00.00.H36	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	401/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
269	2.002363.000.00.00.H36	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	401/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
270	1.008951.000.00.00.H36	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	395/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
271	1.008950.000.00.00.H36	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	395/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
272	1.008725.000.00.00.H36	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1377/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

273	1.008724.000.00.00.H36	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1377/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
274	2.001211.000.00.00.H36	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
275	2.001212.000.00.00.H36	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
276	2.001214.000.00.00.H36	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
277	2.001215.000.00.00.H36	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
278	2.002308.000.00.00.H36	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	764/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
279	2.002307.000.00.00.H36	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	2059/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	

280	2.002284.000.00.00.H36	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	1445/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
281	1.007919.000.00.00.H36	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư	538/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
282	1.008004.000.00.00.H36	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	921/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
283	2.002226.000.00.00.H36	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	1399/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
284	2.002228.000.00.00.H36	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	1399/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
285	2.001944.000.00.00.H36	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	1440/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
286	1.004941.000.00.00.H36	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	1440/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

287	2.001942.000.00.00.H36	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	1440/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
288	2.002080.000.00.00.H36	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	1644/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
289	2.000930.000.00.00.H36	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	1644/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
290	2.001406.000.00.00.H36	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2127/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
291	2.001016.000.00.00.H36	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	2127/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
292	2.001019.000.00.00.H36	Chứng thực di chúc	2127/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
293	2.001035.000.00.00.H36	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2127/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

294	2.001255.000.00.00.H36	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	1428/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
295	1.005461.000.00.00.H36	Đăng ký lại khai tử	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
296	1.004746.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
297	1.004772.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
298	1.004884.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
299	1.004873.000.00.00.H36	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
300	1.004859.000.00.00.H36	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

301	1.004845.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
302	1.004837.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký giám hộ	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
303	1.000419.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
304	1.000593.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
305	1.003583.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
306	1.000656.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký khai tử	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
307	1.000689.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

308	1.001022.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
309	1.000894.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký kết hôn	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
310	1.001193.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký khai sinh	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
311	2.001023.000.00.00.H36	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	1644/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
312	2.000986.000.00.00.H36	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	1644/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
313	2.001008.000.00.00.H36	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	2127/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	
314	2.000992.000.00.00.H36	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	2127/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	

315	2.000942.000.00.00.H36	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	2127/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
316	2.000927.000.00.00.H36	Sửa lỗi sai sót trong giao dịch	2127/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
317	2.000913.000.00.00.H36	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch	2127/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
318	2.000884.000.00.00.H36	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	2127/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	
319	2.000815.000.00.00.H36	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	2127/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	
320	2.000908.000.00.00.H36	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	255/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	
321	2.000497.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

322	2.000513.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
323	1.000893.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
324	2.000522.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
325	2.000547.000.00.00.H36	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
326	2.000554.000.00.00.H36	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
327	2.002189.000.00.00.H36	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
328	2.000748.000.00.00.H36	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

329	2.000756.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
330	1.001669.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
331	1.001695.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
332	2.000779.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
333	1.001766.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
334	2.000806.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
335	1.002693.000.00.00.H36	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	1879/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	

336	2.000528.000.00.00.H36	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
337	1.003658.000.00.00.H36	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
338	1.004088.000.00.00.H36	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
339	1.004047.000.00.00.H36	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
340	1.004036.000.00.00.H36	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
341	2.001711.000.00.00.H36	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
342	2.000635.000.00.00.H36	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	

343	2.001261.000.00.00.H36	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	1920/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
344	1.004002.000.00.00.H36	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
345	2.002165.000.00.00.H36	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	48/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
346	1.003970.000.00.00.H36	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
347	1.006391.000.00.00.H36	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
348	1.003930.000.00.00.H36	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
349	2.001263.000.00.00.H36	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	401/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

350	2.001921.000.00.00.H36	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
351	2.001283.000.00.00.H36	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	1920/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
352	2.001270.000.00.00.H36	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	1920/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
353	1.005412.000.00.00.H36	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	371/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo hiểm (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
354	2.000355.000.00.00.H36	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	1425/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
355	1.001653.000.00.00.H36	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
356	1.001699.000.00.00.H36	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

357	2.001661.000.00.00.H36	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	444/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
358	1.001731.000.00.00.H36	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	1425/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
359	1.001776.000.00.00.H36	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1425/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
360	1.001279.000.00.00.H36	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	187/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
361	2.000629.000.00.00.H36	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	1920/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
362	2.000633.000.00.00.H36	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	187/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
363	2.001960.000.00.00.H36	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	1445/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

364	2.000150.000.00.00.H36	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	187/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
365	2.000162.000.00.00.H36	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	1441/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
366	2.000181.000.00.00.H36	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	187/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
367	2.000615.000.00.00.H36	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	1395/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
368	2.001240.000.00.00.H36	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	1395/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
369	2.000620.000.00.00.H36	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	187/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
370	1.000314.000.00.00.H36	Chấp thuận vị trí đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	1426/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	

371	1.001257.000.00.00.H36	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban	1376/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
372	1.004964.000.00.00.H36	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	1389/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
373	2.000286.000.00.00.H36	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	1425/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	
374	1.004944.000.00.00.H36	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	1440/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
375	2.001947.000.00.00.H36	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	1440/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
376	1.004946.000.00.00.H36	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	1440/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
377	2.001955.000.00.00.H36	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	1376/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Lao động, tiền lương (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	

378	2.000282.000.00.00.H36	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	1425/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
379	2.000477.000.00.00.H36	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	1425/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai	
380	2.000206.000.00.00.H36	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	1395/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
381	1.004901.000.00.00.H36	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1399/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
382	1.005010.000.00.00.H36	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1399/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
383	2.001958.000.00.00.H36	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1399/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
384	1.004979.000.00.00.H36	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	1399/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	

385	1.005378.000.00.00.H36	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1399/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
386	1.004982.000.00.00.H36	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1399/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
387	1.005277.000.00.00.H36	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	1399/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
388	2.002123.000.00.00.H36	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2657/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
389	1.005280.000.00.00.H36	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	1399/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
390	2.000575.000.00.00.H36	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	569/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
391	2.000720.000.00.00.H36	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	569/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	

392	1.001266.000.00.00.H36	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	569/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
393	1.001570.000.00.00.H36	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	569/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
394	1.001612.000.00.00.H36	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	569/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai	
395	1.005132.000.00.00.H36	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	764/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
396	1.000502.000.00.00.H36	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	764/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
397	2.000134.000.00.00.H36	Khai báo với Sở Nội vụ địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	764/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
398	2.001218.000.00.00.H36	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

399	2.001217.000.00.00.H36	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
400	1.003596.000.00.00.H36	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	1145/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
401	2.001621.000.00.00.H36	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	864/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
402	1.003440.000.00.00.H36	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	864/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
403	1.003446.000.00.00.H36	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	864/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
404	1.004498.000.00.00.H36	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	229/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
405	1.003956.000.00.00.H36	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	229/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

406	1.003471.000.00.00.H36	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	1427/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
407	1.003347.000.00.00.H36	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	1427/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
408	2.001627.000.00.00.H36	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt	1427/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
409	1.003434.000.00.00.H36	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	864/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
410	2.001827.000.00.00.H36	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	1232/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
411	1.004656.000.00.00.H36	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	229/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
412	1.004680.000.00.00.H36	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	229/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

413	2.000794.000.00.00.H36	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở	46/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
414	1.003622.000.00.00.H36	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	46/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
415	2.001659.000.00.00.H36	Xóa đăng ký phương tiện	1426/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
416	1.001662.000.00.00.H36	Đăng ký khai thác nước dưới đất	506/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
417	2.000535.000.00.00.H36	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	507/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
418	2.000591.000.00.00.H36	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	507/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
419	1.005099.000.00.00.H36	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	395/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	

420	1.003702.000.00.00.H36	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	731/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
421	1.004552.000.00.00.H36	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	1377/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
422	2.001842.000.00.00.H36	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	1377/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
423	1.001622.000.00.00.H36	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	395/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
424	1.001639.000.00.00.H36	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	1377/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
425	1.004563.000.00.00.H36	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	1377/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Xã	Công khai	
426	1.005090.000.00.00.H36	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	1445/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	

427	1.002407.000.00.00.H36	Xét, cấp học bổng chính sách	395/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
428	1.001714.000.00.00.H36	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	1445/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
429	1.000824.000.00.00.H36	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (cấp tỉnh)	506/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
430	2.001770.000.00.00.H36	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành .	506/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
431	1.004283.000.00.00.H36	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	506/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
432	1.004179.000.00.00.H36	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP)	506/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
433	1.004167.000.00.00.H36	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	506/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	

434	1.004211.000.00.00.H36	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	506/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
435	1.004223.000.00.00.H36	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	506/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
436	1.004228.000.00.00.H36	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	506/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
437	1.004232.000.00.00.H36	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	506/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
438	1.000715.000.00.00.H36	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1400/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
439	1.000713.000.00.00.H36	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1400/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
440	1.000711.000.00.00.H36	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1400/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	

441	1.000288.000.00.00.H36	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	1400/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
442	1.000280.000.00.00.H36	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	1400/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	
443	1.000691.000.00.00.H36	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	1400/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai	